TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-04-2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Mai Thị Nhặc**.
+ Ông **Ngô Bá Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Trúc L** - Sinh năm: 1996; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn C**- Sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2019, bản khai ngày 07 tháng 01 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 20 tháng 6 năm 2017, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai lừa dối hay ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống hạnh phúc đến ngày 12 tháng 7 năm 2018 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh C là do anh C có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên giữa anh chị thường hay tranh cãi. Chị L xác định tình cảm giữa chị với anh C là không còn, không thể nào đoàn tụ được nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị L và anh C có một người con chung là: Đoàn Trần Đăng K - Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2018 hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày là không có.

Bị đơn là anh Đoàn Văn C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Trúc L trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung là Đoàn Trần Đăng K - Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2018, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000đồng/tháng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ chung.

Bị đơn là anh Đoàn Văn C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L: Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L được ly hôn với anh Đoàn Văn C. Về con chung: Chị Trần

Thị Trúc L được quyền nuôi người con chung giữa chị với anh Đoàn Văn C là Đoàn Trần Đăng K - Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2018, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000đồng/tháng; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Trúc L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Đoàn Văn C có địa chỉ tại ấp A xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Đoàn Văn C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn C là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Việc kết hôn giữa chị L với anh C tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[2.2] Chị L cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà chị L trình bày là do anh C có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên, việc chị L và anh C sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay mà không đoàn tụ được là phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú của chị L và anh C và phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 07/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bút lục số 34) nên lời trình bày của chị L về việc chị và anh C sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 là có cơ sở. Bản thân anh C không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị L và không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh C đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị L và anh C có một người con chung là Đoàn Trần Đăng K - Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2018.

[3.2] Người con này hiện nay chưa được ba mươi sáu tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

[3.3] Người con này hiện đang sống chung với chị L. Chị L cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, trong khi đó anh C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc nuôi con nên giao con (Đoàn Trần Đăng K) cho chị L tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị Ly yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với mức là 2.000.000đồng/tháng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị L có thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Chị L là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[5.2] Anh C là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280, 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên:

1/ Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L được ly hôn với anh Đoàn Văn C.

2/ Về con chung:

2.1) Chị Trần Thị Trúc L được quyền tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa chị với anh Đoàn Văn C là: Đoàn Trần Đăng K - Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2018 (hiện đang sống chung với chị L) cho đến khi Đoàn Trần Đăng K đủ mười tám tuổi.

2.2) Anh Đoàn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi người con đủ mười tám tuổi.

2.3) Anh Đoàn Văn C có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Đoàn Văn C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Trần Thị Trúc L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đoàn Văn C.

2.4) Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Trúc L, anh Đoàn Văn C, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.5) Khi có lý do chính đáng, anh Đoàn Văn C, chị Trần Thị Trúc L có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1) Chị Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008134 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Trần Thị Trúc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2) Anh Đoàn Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5/ Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con tại bản án này được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

6/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Đoàn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên